

VỀ XU THẾ THẾ TỤC HOÁ VÀ DÂN TỘC HOÁ CỦA PHẬT GIÁO

MINH CHI^(*)

1. Về xu thế thế tục hoá của Phật giáo

Trong lịch sử dân tộc ta, thứ nhất nói về quá trình thế tục hoá Nhà nước thì bản thân Phật giáo nước ta vốn dĩ không can thiệp, chứ khoan nói chỉ tới việc chi phối và lãnh đạo Nhà nước Việt Nam. Cho nên quá trình đó đã không xảy ra. Còn về quá trình thế tục hoá giáo hội, quan điểm của Phật giáo rất rõ: Mọi người đều sống trong thế gian, không ai tách rời khỏi thế gian mà sống được, kể cả tu sĩ Phật giáo. Đạo Phật nói hiểu biết thế gian, giác ngộ thế gian, hay là lí giải thế gian. Một danh hiệu của Phật là Thế Gian Giải, tức là hiểu biết thế gian. Và cũng nhờ giác ngộ về thế gian, hiểu rõ thế gian, nên Phật tử, tu sĩ cũng như cư sĩ, không bị những giá trị tầm thường của thế gian chi phối, làm mê hoặc, như danh lợi, tiền tài, quyền lực, sắc đẹp, v.v...

Cũng như vua Trần Nhân Tông, người Phật tử hiểu rõ thế gian sẽ ung dung sống giữa thế gian mà vẫn vui niềm vui của đạo. Ở giữa trần mà vui với đạo, chính là ý tứ chủ yếu của bài phú nổi tiếng của vua Trần Nhân Tông: "*Cư trần lạc đạo phú*". Khi đạo Phật nói giải thoát là nói đạo Phật không bị những giá trị tầm thường của thế gian lôi kéo, chi phối, lại càng không bị những giá trị thế tục làm mê hoặc, thúc đẩy mình tạo nghiệp ác. Trong bài phú nói trên, Trần Nhân Tông có hai câu rất hay:

*"Trần tục mà nên, phúc ấy càng yêu hết tấc,
Sơn lâm chẳng cốc, họa kia thực đã đồ công."*
(Hồi III, câu 37 và 38)

Ý tứ hai câu trên là: Sống giữa trần tục mà tu đạo thành công, thì phúc ấy thật là đáng quý hết sức. Còn ẩn vào rừng núi mà tu hành nhưng lại không thành (*chẳng cốc* tức là không được giác ngộ), thì cái họa này chỉ là uống công mà thôi.

Có nhiều người ở phương Tây hiểu nhầm đạo lí giác ngộ và giải thoát của đạo Phật, không hiểu mối liên hệ giữa giác ngộ và giải thoát, nghĩa là có giác ngộ về thế gian thì mới giải thoát thật sự khỏi những vướng mắc về hệ lụy của thế gian, mà đạo Phật mới có thể toàn tâm toàn ý quan tâm tới thế gian, cứu độ thế gian.

Trái lại, một số người phương Tây cho rằng, giải thoát của đạo Phật có nghĩa là hoàn toàn bàng quan đối với thế gian. Nếu quan niệm giải thoát như vậy là đúng thì thử hỏi Đức Phật Thích Ca xuất hiện ở thế gian này để làm gì nữa. Đức Phật từng nói Như Lai (tức là Phật) xuất hiện ở thế gian này là vì hạnh phúc của đa số loài trời và loài người...

Nếu đúng như một số người phương Tây nói giải thoát là hoàn toàn bàng quan với thế gian, thì lòng từ, một đức hạnh hàng đầu của đạo Phật còn có ý nghĩa và nội dung gì nữa, vì lòng từ được đức Phật định nghĩa như là tình thương của Phật tử đối với chúng sanh (trong đó, có loài người) như là tình thương vô hạn của bà mẹ đối với đứa con một của mình (xem *Kinh Từ bi* trong bộ

*. Nhà nghiên cứu, Viện Phật học Thành phố Hồ Chí Minh.

Kinh tập - Tiểu bộ Kinh I, trang 25, Thích Minh Châu dịch).

Đã có lòng từ và yêu thương con người và các loài hữu tình như vậy thì làm sao có thể nói là hoàn toàn bàng quan đối với thế gian được? Trái lại, chính vì không còn tham, sân và si nữa mà người Phật tử mới có thể toàn tâm toàn ý yêu thương mọi người và mọi loài được.

Đạo Phật không phải là thế tục hoá, mà là siêu việt thế tục để có thể trọn đời, và hết lòng phục vụ thế gian, cứu độ thế gian. Một con người đam mê đủ thứ, từ tiền bạc, quyền lực cho tới sắc đẹp, danh vọng thì sẽ cái gì cũng vơ vét cho mình, cho gia đình mình. Dồn cả tâm sức để lo cho bản thân và gia đình mình, còn tâm sức đâu mà lo cho người khác nữa?

2. Về xu thế dân tộc hoá của Phật giáo

Bây giờ xin nói sang câu gợi ý thứ hai: Đạo Phật có *xu thế dân tộc hoá*?

Đạo Phật là một tôn giáo thế giới, nó tôn trọng tất cả mọi dân tộc, không phân biệt dân tộc lớn hay nhỏ, mạnh hay yếu. Đạo Phật không bao giờ tấn thành hay chủ trương một dân tộc này vì quyền lợi riêng của mình mà gây chiến tranh với một dân tộc khác. Nhưng nếu có một dân tộc nhỏ yếu, bị một dân tộc khác lớn mạnh hơn xâm lăng, thì đạo Phật không do dự đứng về phía dân tộc nhỏ yếu bị xâm lược, chống lại kẻ xâm lược. Các Phật tử đời Lý và Trần, trước hết là các ông vua Lý và Trần, đã làm như vậy trong cuộc kháng chiến chống sự xâm lăng của quân Tống và quân Nguyên. Trong *Lục độ tập kinh*, một trong những Kinh bốn đầu tiên của Phật giáo Việt Nam đã nói: "Bồ Tát thấy dân buồn khổ khóc lóc, thì vì họ mà gạt nước mắt, mà xông mình vào chính trị hà khắc để cứu dân đang mắc nạn lâm tham". (xem truyện 68 của *Lục độ tập kinh* trong *Khuông Tăng Hội toàn tập*, I. Lê Mạnh Thát dịch).

Phật giáo du nhập vào đất nước nào, dân tộc nào thì hội nhập vào nền văn hoá, vào đời sống của dân tộc ấy như một bộ phận cấu thành, không thể tách rời. Phật giáo đến

Việt Nam từ những năm đầu công nguyên cũng vậy và có thể nói, quá trình hội nhập đó khởi sự từ những năm đầu công nguyên vẫn tiếp tục cho mãi đến ngày nay. Trong quá trình hội nhập đó, Phật giáo luôn gắn bó với dân tộc với đất nước, đến mức thi sĩ Hồ Dzếnh có câu thơ:

"Trang sử Phật,

Đồng thời là trang sử Việt,

Trải bao độ hưng suy,

Có nguy mà chẳng mất...".

Hay là câu thơ dân dã đầy gợi cảm:

"Mái chùa che chở hồn dân tộc.

Nếp sống muôn đời của tổ tông".

Chúng ta cũng không lấy làm lạ là, nhiều công trình kiến trúc Phật giáo đã trở thành niềm tự hào chung của dân tộc, như chùa Một Cột, tượng Bồ Tát Quan Âm nghìn mắt nghìn tay. Và Việt kiều ở tha phương, khi nhớ về quê hương, đều không quên cây đa và mái chùa làng.

"Đất vua chùa làng, phong cảnh Bụt."

Phật giáo Việt Nam hoà mình vào dân tộc và gắn bó với dân tộc, nhưng nó quyết không phải là chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, mà là hình thức dân tộc của những tư tưởng và tình cảm nhân bản nhất, rộng rãi không biên giới, như các đức hạnh tiêu biểu của đạo Phật là từ, bi, hỷ, xả thường được sách Phật gọi là *Bốn tâm vô lượng*. Đã là tâm vô lượng thì sao còn có thể hạn chế trong phạm vi, ranh giới của dân tộc hay quốc gia được.

Ở Việt Nam, không có xung đột dân tộc và tôn giáo, ít nhất cũng là từ khi Nước nhà được thống nhất đến nay. Đó là nhờ sự lãnh đạo sáng suốt và khéo léo của Đảng và Chính phủ, và cũng nhờ nhân dân Việt Nam, sau hơn ba mươi năm chiến tranh, chỉ còn muốn yên ổn trong hoà bình và xây dựng: xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh và phồn vinh, một xã hội công bằng và tự do, mọi người Việt Nam, trong đó có đồng bào các tôn giáo được sống hạnh

phúc, và được hưởng đầy đủ mọi quyền lợi căn bản của con người.

3. Phật giáo Việt Nam và xu thế đổi mới

Cuộc sống luôn đổi mới, hoàn cảnh xã hội cũng luôn đổi mới, Phật giáo cũng phải đổi mới để cập nhật với cuộc sống, với thời đại, với xã hội đang thay đổi từng ngày, từng giờ. Với xã hội và đất nước Việt Nam đang đổi mới nhanh chóng do sự thực thi chính sách đổi mới của Đảng và Chính phủ, cộng thêm chính sách mở cửa và hội nhập của Việt Nam vào khu vực và thế giới, trong mọi lãnh vực, quá trình đổi mới lại càng tiến triển với nhịp điệu nhanh chóng hơn nữa.

Chỉ thị của đồng chí Lê Khả Phiêu, nguyên Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam về công tác tôn giáo nêu rõ: "Vận động tín đồ, chức sắc, nhà tu hành trong các tôn giáo thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ của công dân, tích cực tham gia nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng an ninh và xây dựng cuộc sống mới ở cơ sở, ở các khu dân cư." (Xem báo *Nhân Dân* số 8/7/1998 - Về công tác tôn giáo trong tình hình mới). Nội dung của chỉ thị có thể nói đã góp phần làm cho sáng tỏ hơn đường lối đổi mới của các tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng.

Nói Phật giáo đổi mới có nghĩa là Phật giáo Việt Nam không còn hạn chế hoạt động của mình trong phạm vi của chùa chiền và tu viện, trong lễ bái và cầu nguyện (tuy rằng những hình thức lễ bái và cầu nguyện vẫn cần thiết, đặc biệt là các lễ cầu an và cầu siêu), nhưng chủ yếu là tất cả hoạt động Phật giáo không phải chỉ có thế. Phật giáo đồng thời với việc quan tâm, lo lắng cho người ốm và người chết, còn phải quan tâm gấp 10 lần, 100 lần đối với *những người đang sống*, trong số này có những người, nhất là thanh niên, đang không biết sống thế nào cho phải, cho hợp đạo lí, không biết lúc nào sẽ sa chân rơi xuống bùn của tội lỗi, ma túy, cờ bạc, mĩ dâm... Những người như vậy rất cần có sự giúp đỡ về tâm linh,

về đạo đức. Nhiều tu sĩ và cư sĩ Phật giáo có thể làm rất tốt việc này.

Nói về điều này, tôi nghĩ tới những xí nghiệp sản xuất hay dịch vụ do chính các cư sĩ hay tu sĩ phụ trách, những xí nghiệp trong đó công nhân vừa sản xuất vừa học Phật và tu Phật, tôi nghĩ tới những nhà dưỡng lão, những viện tế bần, cô nhi viện, các lớp học tình thương, các trạm khám bệnh và phát thuốc miễn phí, v.v.... Tôi nghĩ rằng Tăng ni, tu sĩ cũng như cư sĩ Phật giáo đều có thể tham gia hoạt động tích cực trong các lĩnh vực như vậy.

Phật giáo đổi mới là Phật giáo dần thân vào các công tác kinh tế, văn hoá, giáo dục và xã hội như vậy. Phật giáo Việt Nam gắn bó với dân tộc, với nhân dân không phải chỉ trong lịch sử, trong truyền thống mà là ngay trong hiện tại, trong sự nghiệp đổi mới của toàn dân, toàn đất nước mà Đảng và Chính phủ đang tiến hành. Phật giáo Việt Nam không thể, không được đứng bên lề của sự nghiệp đó.

Có người đặt vấn đề: Đạo Phật dần thân vào những sự nghiệp thế tục như vậy, phải chăng đạo Phật có nguy cơ tha hoá?

Xin trả lời: Tha hoá hay không, thế tục hoá hay không là do tự tâm, chứ không phải do nơi công việc. Làm việc đạo nhưng với cái tâm thế tục cầu danh, cầu lợi thì việc đạo cũng hoá ra việc đời thế tục, việc danh, việc lợi. Nhưng làm những việc hình thức là thế tục, nhưng với đạo tâm, với tâm từ bi, muốn đem lợi lạc và hạnh phúc đến cho tất cả mọi người, mọi chúng sinh thì việc đời, việc thế tục cũng thành việc đạo.

Tôi nghĩ rằng, gợi ý của đồng chí Lê Khả Phiêu trong Hội nghị toàn quốc về tôn giáo tháng 6/1998 khi đồng chí nói: "Giúp đỡ đồng bào ngay trong thực hành sinh hoạt tôn giáo càng ngày càng tiến bộ hơn, quan hệ nội bộ tôn giáo cũng dân chủ và lành mạnh hơn.... Tạo điều kiện cho đồng bào nâng cao

ý thức, trình độ và bản lĩnh làm chủ", có thể là chỉ dẫn hữu ích.

Tôi tin rằng, khi chúng ta có một *bộ luật tôn giáo*, một bộ luật tôn giáo rành mạch, khoa học sẽ tác động tích cực đến hoạt động tôn giáo, tất cả mọi đồng bào tôn giáo sẽ hết lòng, hết sức dấn thân vào sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hoá, giáo dục của đất nước.

4. Về xu thế đổi mới hiện nay của Phật giáo trên thế giới

Tôi không có nhiều tài liệu, đặc biệt là những tài liệu mới nhất. Cho nên ý kiến của tôi có thể không cập nhật và thiếu sót. Sau đây tôi chỉ nêu ra một vài nhận thức của tôi, có thể là nông cạn, về một vài xu thế của Phật giáo trên thế giới.

a. *Hướng tới Phật giáo Thiền* như một phương pháp, hay đúng hơn là một nếp sống, đảm bảo có được một nội tâm bình thản, hài hoà trong sáng, trong một hoàn cảnh xã hội hiện đại tạo ra nhiều ức chế, dẫn tới bệnh tâm thần.

Nhưng đây không phải chỉ là Thiền của Nhật Bản giữa hai cuộc thế chiến thứ nhất và thứ hai mà giáo sư Suzuki đã từng giới thiệu cho phương Tây qua tác phẩm nổi tiếng "Introduction au Bouddhisme Zen". Ở Việt Nam có bản dịch của Tuệ Sĩ và Trúc Thiên.

Hiện nay, phương Tây đang hướng nhiều tới Thiền Tây Tạng, do giáo chủ Đại Lạt Ma và nhiều Thiền Sư Tây Tạng khác truyền bá. Cuốn *The Tibetan book of living and dying* (Cuốn sách Tây Tạng về sống và chết) mà tác giả là Thiền sư Tây Tạng Sogyal Rinpoche, được nhiều trí thức phương Tây xem như là sách gối đầu giường. Ở Việt Nam có bản dịch của Ni sư Trí Hải. Phương pháp luận của tác giả là nghiên cứu con người một cách toàn diện trong sự sống và sự chết của nó. Nếu sống là một dạng tồn tại của con người, thì chết là một dạng tồn tại khác của con người, trước đây không

được các học giả phương Tây lưu ý, (sách Trung Quốc nói *sinh hữu tử hữu*, nghĩa là sự tồn tại của sống và sự tồn tại của chết). Từ đó, cuốn sách nói đến sự sống vĩnh hằng mà sinh ra và chết đi chỉ là những biểu hiện giai đoạn. Có thể nói, đây là một loại *siêu hình học* mà phương Tây chưa từng quan niệm trước đây. Có lẽ vì vậy mà cuốn sách bán rất chạy ở phương Tây (có các bản dịch tiếng Anh và tiếng Pháp).

Thế giới cũng tiếp tục hướng tới phương pháp Thiền theo dõi hơi thở của Phật giáo Nam tông. Vừa rồi, tôi có đọc cuốn sách *Breath by breath* (Thở bằng hơi thở - cũng có thể dịch là (theo dõi) hơi thở này tiếp nối hơi thở kia), mà tác giả là Larry Rosenberg, một người Anh gốc Do Thái, người sáng lập và điều hành Trung tâm Thiền Cambrigde ở Anh. Cuốn sách cho thấy tác giả là một người có tu có chứng thật sự trong phương pháp Thiền này.

b. Đứng về học thuật mà nói, xu hướng hiện nay của Phật giáo thế giới là nghiên cứu Phật giáo như một cái toàn bộ, bao gồm cả Phật giáo Nam tông, Phật giáo Bắc tông và Phật giáo Tây Tạng, chứ không phải chỉ riêng Phật giáo Nam tông như Hội Pali Text Society đã làm ở cuối thế kỉ XIX và trong thế kỉ XX.

Nhiều bộ luận của Phật giáo Đại thừa hậu kì được dịch ra tiếng Anh, tiếng Pháp và được giải thích, bình luận khá sâu sắc như các bộ *Trung luận*, *Đại trí độ luận*, *Đại thừa khởi tín luận*, các sách *Duy thức* và *Nhân minh*...

c. Nhiều trung tâm Thiền (Meditation Center) được thành lập ở các nước Châu Âu và Bắc Mỹ để cho người phương Tây không chỉ học Thiền trên lí thuyết mà còn có thể thường xuyên tu Thiền, hành Thiền, đem Thiền hội nhập vào cuộc sống hằng ngày của mình./.